

VÀI NÉT VỀ

THÁI ẤP VĂN TRINH CỦA TRẦN NHẬT DUẬT

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*

Trần Nhật Duật là con thứ sáu của vua Trần Thái Tông. Ông sinh năm 1254 mất năm 1330, là người văn võ song toàn, người lập nên công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285). Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật là một trong những tôn thất, trụ cột của triều đình. Ông không chỉ giỏi ngoại ngữ, sành âm nhạc, thông Nho đạo mà tài năng của ông còn toả sáng trên nhiều lĩnh vực: Quân sự, chính trị, ngoại giao. Điều này đã được *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết tắt là *Toàn thư*) và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (viết tắt là *Cương mục*) khẳng định.

Năm 1267, khi Trần Nhật Duật 14 tuổi (tuổi Âm lịch) đã được vua Trần Thánh Tông phong làm Chiêu Văn vương. *Toàn thư* chép: "Đình Mão, năm thứ 10 (1267). Mùa Thu, tháng 8. Phong em là Nhật Duật làm Chiêu Văn vương" (1). Sau đó, Trần Nhật Duật bắt đầu nổi tiếng sau sự việc triều đình phái đi dẹp loạn ở đạo Đà Giang. *Toàn thư* chép: "Mùa Đông, tháng 10, năm Canh Thìn (1280), Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang làm phản. Sai Chiêu Văn vương Nhật Duật đến dụ hàng. Bấy giờ Nhật

Duật coi đạo Đà Giang, đem quân thuộc hạ đến nơi, Trịnh Giác Mật sai người đến quân doanh tỏ lòng thành nói rằng: "Mật không dám trái mệnh, nếu ân chúa đi ngựa một mình đến thì Mật xin hàng". Nhật Duật nhận lời, đem 5,6 tiểu đồng đi theo... Khi đến trại thì người Man bày vây mấy chục vòng, đều cầm gươm và thương hướng vào bên trong... Nhật Duật biết nói tiếng và hiểu tục các nước, cùng với Mật ăn bằng tay uống bằng mũi, người Man thích lắm. Khi Nhật Duật về doanh, Mật đem gia thuộc đến doanh đầu hàng, mọi người đều hài lòng và kính phục" (2). Với sự hiểu biết về phong tục tập quán của người Man mà Trần Nhật Duật đã không tổn một mũi tên hòn đạn dẹp được cuộc nổi loạn uy hiếp đến an ninh của quốc gia.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ hai (1285), Trần Nhật Duật lập nên công lớn, tiêu diệt quân Nguyên do Toa Đô chỉ huy ở cửa Hàm Tử (địa điểm ở trên sông Hồng, ở phía trên bãi Mạn Trù, thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên - TG). Trong quân đội của mình, Trần Nhật Duật sử dụng những người nước Tống lưu vong, họ mặc

* TS. Viện Sử học.

áo kiêu Tống, cầm cung tên ra trận. “*Quân Toa Đô ở phương xa đến, thấy trong toán quân có mặc quân phục nhà Tống, đều sợ, chúng ngờ là có quân Tống sang giúp quân ta, vì thế mà quân Nguyên bị tan vỡ lớn. Toa Đô phải lui quân đóng ở cửa biển Thiên Trường để tìm lương ăn*” (3). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đánh giá: “*Trận thắng này là một chiến công đứng đầu đời Trưng Hưng*” (4).

Năm 1302, Trần Nhật Duật được phong làm Thái úy Quốc công. Sự việc này được *Toàn thư* chép như sau: “*Nhâm Dần, năm thứ 10 (1302). Mùa Xuân, tháng Giêng. Lấy Chiêu Văn vương Nhật Duật làm Thái úy Quốc công. Theo quy chế cũ, thân vương vào làm tể tướng lại xưng là Quốc công thượng hầu, nếu vào nội đình thì gia thêm tước quan nội hầu*” (5).

Năm 1312, khi vua Anh Tông tự làm tướng cầm quân đi đánh Chiêm Thành thì nhà vua đã giao cho Trần Nhật Duật ở lại triều đình trông coi việc nước vì Thái tử còn thơ ấu. *Toàn thư* chép: “*Nhâm Tý, năm thứ 20 (1312). Tháng 6, vua từ Chiêm Thành về đến Kinh đô... Bây giờ Hoàng Thái tử giám quốc; Chiêu văn Đại vương Nhật Duật và Nghi võ hầu Quốc Tú thì cầm quân Tả hữu Thánh Dực ở lại giữ nước*” (6). Sự kiện này không chỉ cho thấy vai trò quan trọng của Trần Nhật Duật trong triều đình, mà lúc này ông đã được phong làm *Đại vương*.

Năm 1324, Trần Nhật Duật được phong làm Tá thánh Thái sư. *Toàn thư* chép: “*Giáp Tý, Khai Thái năm thứ 1 (1324). Mùa Hạ, tháng 4, lấy Huệ Võ Đại vương Quốc Chấn làm Nhập nội quốc phụ thượng tể, Kiểm hiệu Thái úy Nhật Duật là Tá thánh Thái sư...*” (7).

Tháng 7, mùa Thu năm Canh Ngọ (1330), Tá thánh Thái sư Trần Nhật Duật

qua đời, thọ 77 tuổi. Sử cũ không chỉ biểu dương công trạng và tài đức của ông mà còn cho biết gia quyến của ông là người Thanh Hoá và ở Thanh Hoá. *Toàn thư* chép: “... Ông là bậc thân vương tôn quý, trải làm quan bốn triều, ba lần coi giữ trấn lớn, ở nhà không ngày nào là không mở cuộc chèo hát, bày trò chơi, mà không ai cho là say đắm, so với Quách Tử Nghi cùng xa cực xỉ mà không ai chê, ông cũng gần được như thế. Trinh Túc phu nhân là người Thanh Hoá, cho nên các nàng hầu vợ lẽ của Nhật Duật đều là người Thanh Hoá cả, mà các con cũng đều là người Thanh Hoá đẻ, về sau có bổ tri phủ Thanh Hoá đều lấy con cháu của Nhật Duật cho làm, cũng như Quốc Khang ở châu Diễn vậy” (8). Việc Trần Nhật Duật trấn giữ Thanh Hoá là điều đã được *Toàn thư* và *Cương mục* khẳng định. Tuy nhiên điều hạn chế của tư liệu này là không cho biết một thông tin nào về thái ấp của Trần Nhật Duật ở Thanh Hoá. Song rất may mắn là chỉ một đoạn ghi chép ngắn ngủi trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, chúng ta biết được Trần Nhật Duật có thái ấp ở Thanh Hoá: “*Vương hầu triều Trần được mở phủ đệ đều có trại riêng ở hương. Khi có lễ vào châu thì tới kinh, xong việc lại về phủ đệ (như Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Quốc Chân ở Chí Linh, Chiêu Văn ở Thanh Hoá (T.G.nhấn mạnh), Quốc Khang ở Diễn Châu). Người nào được triệu làm tướng mới ở kinh sư, khi ấy đất ở không định hạn*” (9). Sử thần Ngô Sĩ Liên bàn rằng: “*Chế độ nhà Trần các vương hầu đều ở phủ đệ ở hương của mình, khi châu hầu thì mới đến Kinh sư, xong việc lại về. Như Quốc Tuấn ở Vạn Kiếp, Thủ Độ ở Quốc Hương, Quốc Chân ở Chí Linh, đều thế cả. Khi nào có vào làm tể tướng mới tóm giữ việc nước, song chỉ nắm*

đại cương thôi, còn quyền thì thuộc về hành khiển" (10). Mặc dù trong đoạn tư liệu này, Ngô Sĩ Liên không nhắc gì tới Trần Nhật Duật, nhưng lại cho chúng ta biết là các vương hầu đều xây dựng phủ đệ ở hương, nơi họ sinh sống và làm việc. Họ được triều đình cử đi trấn trị những địa bàn trọng yếu của đất nước. Đó đồng thời là những vùng đất được triều đình ban cấp gọi là thái ấp. Trong "*Hịch tướng sĩ*", Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn đã nhắc đến thái ấp như sau: "Không những thái ấp của ta bị tước mà bổng lộc các người cũng bị người khác chiếm lấy..." và "không những là thái ấp của ta mãi mãi lưu truyền, mà bổng lộc các người cũng suốt đời được hưởng..." (11). Chế độ thái ấp đã từng tồn tại dưới vương triều Trần như là một chế độ đặc biệt. Trong các thái ấp, các vương hầu quý tộc đều xây dựng phủ đệ. Chủ thái ấp là những thân vương, trụ cột của triều đình. Uy quyền của chủ thái ấp là rất lớn. Có thể như một ông "vua con". Trong dân gian việc xưng "thần" với các vương hầu tôn thất có lẽ đã trở nên phổ biến nên năm 1298, triều đình ra lệnh "*cấm mọi người không được tự xưng là "thần" với các nhà đại thần tôn thất*" (12).

Trại riêng (theo cách nói của Phan Huy Chú) hay phủ đệ theo ghi chép của Ngô Sĩ Liên của Trần Nhật Duật tại Thanh Hoá là vùng nào? Theo sách "*Đại Nam nhất thống chí*" (tỉnh Thanh Hoá) thì xã Văn Trinh, huyện Ngọc Sơn có đền thờ Chiêu Văn vương nhà Trần: "Đền Trần Chiêu Văn: Ở địa phận thôn Văn Trinh huyện Ngọc Sơn. Sử chép thần là con thứ sáu của vua Trần Thái Tông, tên là Trần Nhật Duật, tước phong Chiêu Văn vương. Lại có đền thờ ở thôn Thanh Tháp xã Nhân Cương huyện Nông Cống" (13). Sách "*Đông Khánh dư địa chí lược*" (tỉnh Thanh

Hoá) chép cụ thể hơn: "Đền thờ Trần Chiêu Văn ở xã Văn Trinh huyện Ngọc Sơn: Vương nắm binh quyền, dẹp giặc dã, đã từng đến đây, có chính sách cai trị tốt, được dân cảm ơn đức lập đền thờ" (nguyên văn là: Chuông binh quyền bình đạo khán, sở chí, giai hữu thiện chính, dân cảm kỳ đức, lập từ tự chi).

Những ghi chép trên cho phép chúng tôi xác định Trần Nhật Duật đã từng ở Văn Trinh trong một thời gian. Rất tiếc, không có tư liệu nào cho biết rõ ông ở đây trong bao lâu. Kết hợp những ghi chép ít ỏi của sử cũ và tư liệu điền dã thực tế cùng với kết quả nghiên cứu của chúng tôi về thái ấp-điền trang thời Trần (14), bước đầu cho thấy, *thái ấp của Trần Nhật Duật là ở khu vực Văn Trinh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá*. Bằng những tư liệu hiện có, chúng tôi muốn bước đầu hình dung mô hình thái ấp Văn Trinh của Trần Nhật Duật.

Xã Văn Trinh xưa thuộc huyện Ngọc Sơn, cách huyện lỵ Ngọc Sơn 54 dặm về phía Bắc. Huyện Ngọc Sơn xưa là đơn vị hành chính gồm huyện Tĩnh Gia và huyện Quảng Xương. Nay Văn Trinh thuộc hai xã Quảng Hợp và Quảng Hoà, huyện Quảng Xương.

Văn Trinh là vùng rừng núi rậm rạp. Năm 1968, bom Mỹ thả xuống cánh đồng Văn Nham, cách mỏm núi Văn Trinh 2km, đã làm xuất lộ những đoạn thân cây cổ thụ vùi sâu trong lòng đất. Chúng tỏ nơi đây khi xưa là rừng gỗ quý. Lại có núi Văn Trinh cao 108m, dài khoảng 2km, chiều rộng ở chỗ rộng nhất khoảng 700m. Xưa kia núi Văn Trinh có tên là Ngọc Sơn. Tương truyền trên đỉnh núi có ngọc nên gọi là Ngọc Sơn. Hai bên sườn núi có mạch nước trong suốt. Từ trên đỉnh núi có thể quan sát được biển khơi. Địa bàn Văn

Trinh có núi, sông bao bọc, lại có cửa sông thông ra biển. Núi, sông, rừng lại ở vị trí ven biển, nối liền với thượng du, nên Văn Trinh ưu thế hơn cả là vị trí quân sự, thích hợp cho sự tồn tại của thái ấp ở một vùng vừa quan trọng vừa là điểm nóng của đất nước như Thanh Hoá lúc bấy giờ. Thái ấp không chỉ đơn thuần là đất bổng lộc triều đình ban cấp cho vương hầu mà còn là một căn cứ quân sự, một trụ sở chỉ huy của người chủ thái ấp. Ở Văn Trinh, với tài đức và chính sách thân dân của Trần Nhật Duật, đã khiến cho tên tuổi của ông không chỉ lưu danh trong sử sách mà sau khi ông qua đời, nhân dân cảm mến ân đức lập đền thờ như thần nhân của làng.

Đầu năm 1971, sinh viên Chuyên ban Lịch sử Cổ - Trung đại Việt Nam, thuộc Khoa Lịch sử - Đại học Tổng hợp Hà Nội đã đến khu vực Văn Trinh khảo sát thực địa và đã tìm được một số tư liệu bước đầu (15).

Về văn tự, hiện ở Văn Trinh còn lưu một bài thơ được chép trong *Tư phả* như sau (16):

Nhất phái thiên hoàng, nhất bảo thanh

Phôi phai đỉnh độc tác tôn anh

Trùng hưng miếu vũ tư thao lược

Bách Việt hài đồng thức tính danh

Ngư đại, long phù chiêu sủng tích

Hồ quân tiêu dăng chấn uy thanh

Kiên thuyết vương hầu lai thử địa

Văn Trinh quân trượng tự quân doanh

Dịch:

*Một chi phái của hoàng tộc một danh
tiếng quý.*

*Xây dựng ngôi đình riêng để ghi lại tôn
anh*

*Miếu đền còn nhớ tài thao lược buổi
trùng hưng (đánh quân Nguyên)*

Trẻ con dân Việt cũng đều biết họ tên

*Ông làm quan đến chức có túi cá vàng,
có long phù được quý trọng.*

*Quân Hồ bị tiêu diệt, danh tiếng ông
vàng dội*

Nghe nói vương hầu [đã từng] đến đây

*Trên núi Văn Trinh giống như quân
doanh [của ông].*

Rất tiếc bài thơ không cho biết rõ xuất xứ, được viết vào thời nào và tác giả là ai, song qua đó cũng phản ánh một sự thật là Trần Nhật Duật là người được nhân dân kính trọng vì tài đức và chiến công lẫy lừng của ông. Trần Nhật Duật đã sinh sống ở đây và có thể đã từng đóng quân trên núi Văn Trinh.

Một số tên làng:

- *Kẻ Chèo*, tên chữ Hán là Hộ Trào. Theo các cụ già địa phương thì đây là nơi tiếp đón hoặc hội họp của thánh Chiêu Văn.

- *Làng Lãng*, nay là Hợp Linh, các cụ già cho biết, xưa kia dân nơi này có nhiệm vụ trông coi lăng mộ.

- *Làng Miếu*, nay là Hợp Hưng, xưa là Miếu thôn, có lẽ đây là nơi có miếu.

- *Làng Mên*, nay là Văn Mên, tên chữ Hán là Môn. Theo các cụ già địa phương cho biết đây là nơi giữ cửa.

Cách giải thích địa danh của nhân dân địa phương về phương diện sử liệu học thì cần phải tìm hiểu thêm nhưng chất lọc trong đó cũng có những giá trị nhất định.

- *Kẻ Gốm*, nay là Hữu Giang. Theo tôi, đây là nơi sản xuất những đồ dùng, vật liệu xây dựng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, phục vụ cho lao động sản xuất và xây dựng nhà cửa trong thái ấp. Thời Trần, theo tư liệu khảo cổ học cho biết, trong những thái ấp hiện biết thì đều có lò gốm. Có nơi tìm thấy khá nhiều như Vạn Kiếp của Trần Quốc Tuấn (3 lò). Đây là một

trong những tư liệu có sức thuyết phục cho sự hiện diện của thái ấp Trần Nhật Duật ở Văn Trinh.

- *Làng Đoài*, nay gọi là Văn Đoài. Theo nhân dân địa phương cho biết thì làng này có thể có từ lúc Trần Nhật Duật về đây, hoặc trước đó chút ít, do người họ Lê lập nên. Các ông Bèo, ông Tổng, ông Yểng và ông Chung là những người đầu tiên xây dựng (Hiện nay làng có thêm họ Nguyễn, họ Hoàng, nhưng hai họ này đến sau, cách vài trăm năm). Theo chuyện kể của các cụ già trong làng thì tại đây có quan *Lang Tràng* (tức *Lương Trường*) người trông coi lương thực cho Trần Nhật Duật. Ngày cúng kỵ ở đền Văn Trinh thì làng Bích Khê ca hát (Bích Khê là một địa điểm được chọn để tổ chức lễ cúng kỵ của Trần Nhật Duật ở Văn Trinh) còn Văn Đoài thì góp rượu.

Tại Văn Đoài có lưu truyền bài về về chuyện lập làng. Bài về có đoạn:

"Làng ta sâu giếng to đình

Hai bên tả hữu như hình con long

Nhân khang, vật thịnh, đình đông

Ông Bèo, ông Tổng hai ông khởi đầu

Ông Chung, ông Yểng tiếp sau.

Người thừa của hiếm không mau thành làng

Kể từ Thánh Tổ Cao Hoàng (có người đọc là Trần Hoàng)

Di dân lập ấp mở mang cõi rày

Đông Bắc tiếp cận làng Tây

Làng Đông trước mặt hữu tay làng Cồn".

Vấn đề có sức thuyết phục hơn là Văn Trinh không chỉ có đền thờ Trần Nhật Duật mà các tướng của ông còn được thờ và tôn làm thành hoàng ở các làng lân cận, hợp thành địa bàn khá rộng lớn, ghi nhớ

công lao của Trần Nhật Duật nói riêng và sự nghiệp kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên nói chung. Bởi vì Thanh Hoá cũng là chiến trường nơi diễn ra những trận đánh giữa quân dân nhà Trần với quân nhà Nguyên do Toa Đô chỉ huy trong cuộc kháng chiến lần hai. Và, Văn Trinh là một căn cứ địa. Khu vực này bắt đầu từ làng Chèo thuộc Văn Trinh ở phía Bắc, chạy xuống phía Nam là làng Kỳ Vĩ thuộc Ngọc Hồi. Vì vậy trong nhân dân thường nói: "*Thượng Chèo, hạ Vĩ*" (17).

Năm 1984, tác giả Lê Tạo trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1984* cho biết dưới chân núi Văn Trinh cách Thị xã Thanh Hoá 14 km về phía Nam, cạnh ngôi đền Trần Nhật Duật trong khu vực cấm nhân dân không được đến ở, đã phát hiện được ngôi mộ thời Trần. Trong bài: *Ngôi mộ cũ quan tài hình thuyền*, tác giả nhận xét: "*Căn cứ vào cấu trúc mộ và đặc biệt là đồ chôn theo cho thấy đây là một ngôi mộ thời Trần, có liên quan nhất định đến ngôi đền thờ Trần Nhật Duật*" (18). Và, người được mai táng thuộc tầng lớp quý tộc từng sống tại nơi này khá lâu, cho dù chưa xác định rõ mộ của ai.

Từ những ghi chép của sử cũ, tư liệu địa phương và di tích còn lại, tôi cho rằng:

1. Thái ấp Văn Trinh xưa là khu vực rộng lớn. Địa thế Văn Trinh khá thuận lợi cho giao thông thuỷ. Từ Văn Trinh có thể tiến ra biển vào Nam hoặc ra Bắc. Với ngọn núi Văn Trinh làm lá chắn, là nơi trú quân và luyện tập quân sĩ. Câu: "*Trên núi Văn Trinh giống như quân doanh [của ông]*" trong *Tư phủ* có thể hiểu được điều đó.

2. "*Thượng Chèo, hạ Vĩ*" có thể là địa điểm được Trần Nhật Duật chọn làm nơi để xây dựng phủ đệ. Làng *Chèo* có thể là làng đầu tiên trong khu vực phủ đệ. Đây là nơi

đón tiếp khách và hội họp. Từ làng Chào chạy về phía Nam là làng Kỳ Vi, theo tư liệu điền dã thực tế thì hiện rộng đến 18 thôn, ước tính đến 2.500 mẫu (19). Trong đó có thể bố trí nơi ở và làm việc của Trần Nhật Duật và gia đình, nhà ở cho các quan, các tướng, quân sĩ, gia nô v.v... Vì vậy, sau khi Trần Nhật Duật và các tướng qua đời đều được dân lập đền thờ trên chính nơi họ đã ở khi còn sống (theo nghi lễ cúng tế tại đền Trần Chiêu Văn thì có tới 24 làng và các làng này đều tôn gia tướng của Trần Nhật Duật làm thành hoàng). Hiện tượng xây đền thờ trên "cố trạch" thường thấy trong các thái ấp thời Trần như đền Kiếp Bạc hiện nay thờ đức Thánh Trần (Trần Hưng Đạo) là một ví dụ. Làng Lãng, Làng Miếu có thể là tên gọi sau khi xây lăng mộ và miếu?.

3. Làng Đoài, là nơi ở của các nhân vật: Ông Bèo, ông Tống, ông Chung, ông Yểng và các ông chính là những người có công xây dựng và phát triển làng Đoài nên được nhân dân ghi nhớ trong bài thơ dẫn ở trên. Tuy nhiên, làng Đoài có từ bao giờ và các nhân vật nêu trên có liên quan gì đến thái ấp Văn Trinh hay không, điều này cũng cần phải nghiên cứu thêm. Nhưng làng Đoài có thể là nơi tích trữ lương thực của Trần Nhật Duật và người được giao trọng trách trông giữ kho lương này là quan Lang Tràng hay Lương Trường. Và, Văn Đoài rất có thể là một làng trong thái ấp của Trần Nhật Duật. Văn Đoài xưa còn có một tập tục hôn nhân nội tộc. Văn Đoài trước kia chỉ có một họ Lê nên người trong họ lấy nhau. Vì vậy, xưa kia làng này có tục 7 năm làm chay cúng tổ một lần để nhớ

ơn tổ. Kiểu hôn nhân như trên cũng giống như hôn nhân trong họ Trần thế kỷ XIII-XIV (Vấn đề này có lẽ cần tìm hiểu thêm).

4. Trần Nhật Duật khi trấn trị ở Thanh Hoá đã xây dựng phủ đệ ở Văn Trinh, khi ông làm Tể tướng thì ở Kinh sư (20), nhưng vợ và các nàng hầu vợ lẽ cùng con cháu vẫn ở Thanh Hoá. Ở Văn Trinh, sau khi Trần Nhật Duật qua đời, ngôi đền thờ Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đã được xây dựng (21). Theo tư liệu địa phương thì việc trông coi đền được giao cho 24 làng trong vùng. Hàng năm, mỗi làng chọn ra một người làm thủ từ và một người làm sai phu. Người được chọn phải là người có đạo đức và không có tang chế. 24 làng lại được chia làm xã Thượng và xã Hạ. Hàng ngày xã Thượng và xã Hạ cử thủ từ và sai phu đến để lo việc cúng lễ và quét dọn, canh gác (22).

Khu vực có đền và có mộ cũ quan tài hình thuyền mà tác giả Lê Tạo cho biết ở trên, cũng nằm trong khuôn viên khá rộng và trong nhiều thế kỷ nhân dân không được đến ở. *Làng Môn*, nếu được hiểu là nơi giữ cửa thì liệu có liên quan gì đến đền và ngôi mộ?.

5. Thái ấp Văn Trinh của Trần Nhật Duật không chỉ là căn cứ địa trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên lần thứ hai mà sau khi chiến tranh kết thúc, Văn Trinh còn tiếp tục được phát huy vai trò trong công cuộc dựng nước dưới sự chỉ huy của các gia tướng và những người thân trong gia đình Trần Nhật Duật, cho dù Ông có lên Kinh đô làm quan hay nhận trách nhiệm ở bất cứ một địa phương nào.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 37. *Khâm định Việt*

sử thông giám cương mục. Tập I, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 496 còn cho biết thêm: "Nhật

Duật là con thú sáu của Thượng hoàng, lúc sinh ra, ở hai cánh tay có viết chữ "chiêu văn", vì thế lấy chữ ấy làm hiệu phong vương"

(2), (5), (6), (7). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập II, sđd, tr. 60, 97, 111-112, 126.

(3). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 1998, tr. 566-567.

(4). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, sđd, tr. 566-567. Theo *An Nam chí lược* thì trong những lần đánh quân Toa Đô ở Thanh Hoá, Nghệ An, quân nhà Trần thua: "Bấy giờ Đại vương Giao Kỳ cùng Hữu thừa Toa Đô, Tả thừa Đường Cổ Đài... vâng chỉ do Chiêm Thành tiến binh vào châu Bố Chính đánh ở mặt sau. Thế tử sai con là Chiêu Văn vương, Trần (Nhật) Duật và Trịnh Đình Toàn chống cự ở Nghệ An, thua chạy. Thế tử thế gấp, sai con anh là Chương Hiến hầu Trần Kiện đón đánh ở Thanh Hoá. Giữ lâu, sức yếu và không có viện, Chương Hiến hầu bèn cùng bọn Tắc (tác giả *An Nam chí lược*) đem binh hàng" (Theo Chú giải và khảo chứng của Đào Duy Anh trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, sđd, tr. 295). Quân Toa Đô thừa thắng tiến ra Tây Kết (địa điểm trên sông Hồng, thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ngày nay -TG), tại đây quân Toa Đô đã bị quân của Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đánh bại. Cho nên trận đánh này được đánh giá là một "chiến công đứng đầu đời Trùng Hưng".

(9). Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập I. Mục *Quan chức chí*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 549.

(8), (10), (11), (12). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập II, Sđd, tr. 139-140, 34, 93, 83.

(13). *Đại Nam nhất thống chí*, tập II. Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992, tr. 290.

(4). Xem: Nguyễn Thị Phương Chi. *Thái ấp - điển trang thời Trần (thế kỷ XIII-XIV)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.

(15), (19). Tư liệu điền dã về thái ấp Văn Trinh chúng tôi sử dụng trong bài do GS. Phan Đại Doãn cung cấp.

(16). Bài thơ này được cụ Ngô Công Điền người thôn Bích Khê cho chép lại trong tư phả. Theo cụ Điền thì bài thơ này có từ thời Lê.

(17), (22). Xem: Lê Bá Vinh: *Núi Văn Trinh*. Trong *Quảng Xương - Quê tôi*. Nhiều tác giả. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, 1999, tr. 225-232, 229.

(18). Lê Tạo: *Ngôi mộ cũ quan tài hình thuyền*. Trong: *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1984*, tr. 185.

(20). Theo tư liệu của chúng tôi thì Trần Nhật Duật còn lập đền trang ở xã Phúc Chỉ, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Theo sự khảo cứu của Tiến sĩ Phạm Văn Nghị (Phạm Nghĩa Trai) trong bài "Xét về nguồn gốc xã Phúc Chỉ" (Phúc Chỉ xã bản mặt khảo) viết vào ngày 10 tháng 3, triều vua Tự Đức năm thứ 5 (1852), cho biết nội dung của bia có đoạn: "Trần triều đế sư Chiêu Văn vương, pháp danh Trung Huệ vương, lúc già về đây mở ấp dựng chùa tu hành đạo Phật". Nơi đây là khu vườn mầu thảo hoa, tương truyền là cố trạch của Chiêu Văn vương ở với thiếp yêu. Tài liệu về đền trang của Trần Nhật Duật do Bảo tàng Nam Định cung cấp cho chúng tôi.

(21). Lúc đầu đền được xây trên núi. Sách *Đại Nam nhất thống chí* viết: "Trên núi có đền, chân núi có chùa". Nay đền trên núi chỉ còn vài bệ đá. Rồi, một ngôi đền được xây dựng ở chân núi phía Tây và tồn tại đến thập niên 60 của thế kỷ XX thì phá huỷ hoàn toàn. Khuôn viên của đền khá rộng, đủ cho nhân dân của 24 làng rước kiệu đến cúng tế. Hàng năm có hai kỳ lễ lớn. Lễ tháng Ba thường được gọi là lễ cầu phúc. Lễ tháng Tám là cúng kỵ (nhưng theo *Toàn thư* thì Trần Nhật Duật qua đời vào tháng 7 Âm lịch). Ngày 3 tháng Ba nếu thủ từ xin Âm Dương mà được (tức một đồng sấp, một đồng ngửa) thì lễ hội được tổ chức tại đền Văn Trinh. Nếu không được thì tổ chức tại làng Bích Khê. Làng này nằm trên bờ sông Lý, cách đền độ 2 km. Nếu tổ chức ở Bích Khê thì Bài vị của Chiêu Văn vương được rước từ đền tới. Ngày đầu của Lễ Hội, thành hoàng của 24 làng được rước đến phối tế. Khi kiệu rước các thành hoàng đến trước cửa đền hoặc đến đàn tế thì các đám rước phải tắt hết chiêng trống để tỏ lòng tôn kính của các gia tướng đối với chủ tướng. Xem: Lê Bá Vinh: *Núi Văn Trinh*. Trong *Quảng Xương - Quê tôi*. Sđd, tr. 230.